

<p>Hoạt động 2: Vận dụng quy tắc giải bài tập áp dụng. (15 phút).</p> <p>-Treo bảng phụ bài toán ?2</p> <p>-Hãy hoàn thành bài tập này bằng cách thực hiện theo nhóm.</p> <p>-Sửa bài các nhóm.</p> <p>-Treo bảng phụ bài toán ?3</p> <p>-Hãy nêu công thức tính diện tích của hình chữ nhật khi biết hai kích thước của nó.</p> <p>-Khi tìm được công thức tổng quát theo x và y ta cần thu gọn rồi sau đó mới thực hiện theo yêu cầu thứ hai của bài toán.</p>	<p>-Đọc yêu cầu bài tập ?2</p> <p>-Các nhóm thực hiện trên giấy nháp và trình bày lời giải.</p> <p>-Sửa sai và ghi vào tập.</p> <p>-Đọc yêu cầu bài tập ?3</p> <p>-Diện tích hình chữ nhật bằng chiều dài nhân với chiều rộng.</p> <p>$(2x+y)(2x-y)$ thu gọn bằng cách thực hiện phép nhân hai đa thức và thu gọn đơn thức đồng dạng ta được $4x^2-y^2$</p>	<p>2. Áp dụng.</p> <p>?2</p> <p>a) $(x+3)(x^2+3x-5)$ $=x.x^2+x.3x+x.(-5)+3.x^2+3.3x+3.(-5)$ $=x^3+6x^2+4x-15$</p> <p>b) $(xy-1)(xy+5)$ $=xy(xy+5)-1(xy+5)$ $=x^2y^2+4xy-5$</p> <p>?3</p> <p>-Diện tích của hình chữ nhật theo x và y là: $(2x+y)(2x-y)=4x^2-y^2$</p> <p>-Với $x=2,5$ mét và $y=1$ mét, ta có: $4.(2,5)^2 - 1^2 = 4.6,25-1=$ $=25 - 1 = 24 (m^2).$</p>
---	---	--

HOẠT ĐỘNG 3: Hoạt động luyện tập (18')

Mục tiêu: - Biết cách nhân 2 đa thức một biến đã sắp xếp cùng chiều

Phương pháp dạy học: Gọi mở vấn đáp, thuyết minh, đàm thoại.

Định hướng phát triển năng lực: Năng lực tư duy logic, năng lực nhận thức, năng lực khái quát hóa, năng lực sử dụng ngôn ngữ,...

<p>Tiết 2</p> <p>Bài tập 2/10 – SHD</p> <p><i>Phương thức hoạt động:</i> Cá nhân</p> <p>GV: cho 2 HS lên bảng chữa bài tập & HS khác nhận xét kết quả</p> <p>GV: chốt cách làm bài tập.</p> <p>Lưu ý: Ta có thể nhân nhẩm & cho kết quả trực tiếp vào tổng khi nhân mỗi hạng tử của đa thức thứ nhất với từng số hạng của đa thức thứ 2</p>	<p><i>Nhiệm vụ của HS:</i></p> <p>+ Tìm hiểu yêu cầu của bài</p> <p>+ Trình bày lời giải.</p>	<p>Bài tập 2/10 - SHD</p> <p>a) $(x^2y^2 - \frac{1}{3}xy + 3y)(x - 3y)$ $= x^3y^2 - 3x^2y^3 - \frac{1}{3}x^2y + xy^2 + 3xy - 9y^2$</p> <p>b) $(x^2 - xy + y^2)(x - y)$ $= (x - y)(x^2 - xy + y^2)$ $= x^3 - x^2y + x^2y - xy^2 + xy^2 - y^3$ $= x^3 - y^3$</p>
---	---	---

<p>(không cần các phép tính trung gian) + Ta có thể đổi chỗ (giao hoán) 2 đa thức trong tích & thực hiện phép nhân. Bài tập 3/10 – SHD <i>Phương thức hoạt động:</i> Nhóm GV Quan sát, hs hoạt động, kiểm tra đánh giá hoạt động của HS. ? Để điền được kết quả giá trị của biểu thức em làm như thế nào? GV chốt cách làm bài tập Bài tập 4/10 – SHD <i>Phương thức hoạt động:</i> Cá nhân GV hỗ trợ ? Để chứng minh giá trị của biểu thức không phụ thuộc vào giá trị của biến, ta làm như thế nào? GV: Chốt cách giải dạng bài tập chứng minh giá trị của biểu thức không phụ thuộc vào giá trị của biến Bài tập 5/10 – SHD <i>Phương thức hoạt động:</i> Cặp đôi - GV hỗ trợ cách tìm x ? Nêu cách tìm x? GV chốt cách làm</p>	<p><i>Nhiệm vụ của HS:</i> + Tìm hiểu yêu cầu của bài + Trình bày cách tính giá trị của biểu thức + Tính giá trị của biểu thức, điền kết quả + Tìm cách tính nhanh <i>Nhiệm vụ của HS:</i> + Tìm hiểu yêu cầu của bài + Trình bày cách tính chứng giá trị của biểu thức không phụ thuộc vào giá trị của biến.. + Trình bày lời giải. <i>Nhiệm vụ của HS:</i> + Đọc đề bài + Nêu cách làm + Trình bày lời giải.</p>	<p>Bài tập 3/10 – SHD</p> <p>Bài tập 4/10 – SHD Chứng minh rằng giá trị của biểu thức sau không phụ thuộc vào giá trị của biến x. $(x - 5)(3x + 3) - 3x(x - 3) + 3x + 7$ $= 3x^2 + 3x - 15x - 15 - 3x^2 + 9x + 3x + 7$ $= - 8$ Vậy: Biểu thức không phụ thuộc vào biến x</p> <p>Bài tập 5/10 – SHD: Tìm x: $(x + 2)(x + 1) - (x - 3)(x + 5) = 0$ $\Rightarrow x^2 + x + 2x + 2 - x^2 - 5x + 3x + 15 = 0$ $\Rightarrow x + 17 = 0$ $\Rightarrow x = -17$</p>
---	--	--

HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')

Mục tiêu: HS vận dụng được các kiến thức vào giải bài toán cơ bản

Phương pháp dạy học: Gọi mở vấn đáp, thuyết minh, đàm thoại, hoạt động nhóm...

Định hướng phát triển năng lực: Năng lực tư duy logic, năng lực nhận thức, năng lực khái quát hóa, năng lực sử dụng ngôn ngữ,...

GV giao học sinh về nhà thực hiện

* Học thuộc quy tắc nhân đa thức với đa thức và vận dụng làm bài tập.

* Làm thêm bài tập phần vận

* Học thuộc quy tắc nhân đơn thức với đa thức và vận dụng làm bài tập.

<p>dụng và phân tích mở rộng. GV gợi ý: Bài 2: - Viết dạng tổng quát của 3 số tự nhiên chẵn liên tiếp. - Biểu thị mối liên hệ giữa tích 2 số đầu và tích 2 số sau. - Vận dụng cách làm bài 5/10 để tìm các số đó. Bài 3: Biến đổi đa thức đó về dạng tích trong đó có một thừa số chia hết cho 6 * Đọc trước bài những hàng đăng thức đáng nhớ.</p>	<p>* Làm bài tập phần vận dụng</p>	<p>Bài 2: Gọi ba số chẵn liên tiếp là x; $x + 2$; $x + 4$ theo bài ra ta có: $(x + 2)(x + 4) - x(x + 2) = 192$ giải ra ta được số thứ nhất là 46 số thứ hai là 48 số thứ ba là 50</p> <p>Bài 3: $n(n + 5) - (n - 3)(n + 2) = 6n + 6$ chia hết cho 6</p>
<p>HOẠT ĐỘNG 5: Hoạt động tìm tòi và mở rộng (2') Mục tiêu: Tìm tòi và mở rộng kiến thức, khái quát lại toàn bộ nội dung kiến thức đã học</p>		
<p>-Hãy nhắc lại quy tắc nhân đa thức với đa thức. -Hãy trình bày lại trình tự giải các bài tập vận dụng.</p>	<p>Làm bài tập phần mở rộng</p>	

4. Hướng dẫn học ở nhà, dặn dò: (3 phút)

- Học thuộc quy tắc nhân đa thức với đa thức.
- Vận dụng vào giải các bài tập 7b, 8, 9 trang 8 SGK; bài tập 10, 11, 12, 13 trang 8, 9 SGK.
- Ôn tập quy tắc nhân đơn thức với đa thức.
- Tiết sau luyện tập (mang theo máy tính bỏ túi).

Ngày dạy :

TIẾT 3

LUYỆN TẬP.

I. MỤC TIÊU:

Kiến thức: Củng cố kiến thức về quy tắc nhân đơn thức với đa thức, nhân đa thức với đa thức.

Kỹ năng: Có kỹ năng thực hiện thành thạo phép nhân đơn thức với đa thức, nhân đa thức với đa thức qua các bài tập cụ thể.

Thái độ : Giáo dục cẩn thận, lòng yêu thích bộ môn.

II. CHUẨN BỊ

- GV: Bảng phụ ghi các bài tập 10, 11, 12, 13 trang 8, 9 SGK, phấn màu; máy tính bỏ túi; . . .

- HS: Ôn tập quy tắc nhân đơn thức với đa thức, quy tắc nhân đa thức với đa thức, máy tính bỏ túi; . . .

- Phương pháp cơ bản: Nêu và giải quyết vấn đề, hỏi đáp, so sánh, thảo luận nhóm.

III. CÁC BƯỚC LÊN LỚP:

1. Ôn định lớp: KTSS (1 phút)

2. Kiểm tra bài cũ: (7 phút).

HS1: Phát biểu quy tắc nhân đa thức với đa thức. Áp dụng: Làm tính nhân $(x^3 - 2x^2 + x - 1)(5 - x)$

HS2: Tính giá trị của biểu thức $(x - y)(x^2 + xy + y^2)$ khi $x = -1$ và $y = 0$

3. Bài mới:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	Ghi bảng
<p>Hoạt động 1: Bài tập 10 trang 8 SGK. (8 phút).</p> <p>-Treo bảng phụ nội dung.</p> <p>-Muốn nhân một đa thức với một đa thức ta làm như thế nào?</p> <p>-Hãy vận dụng công thức vào giải bài tập này.</p> <p>-Nếu đa thức tìm được mà có các hạng tử đồng dạng thì ta phải làm gì?</p> <p>-Sửa hoàn chỉnh lời giải bài toán.</p>	<p>-Đọc yêu cầu đề bài.</p> <p>-Muốn nhân một đa thức với một đa thức, ta nhân mỗi hạng tử của đa thức này với từng hạng tử của đa thức kia rồi cộng các tích với nhau.</p> <p>-Vận dụng và thực hiện.</p> <p>-Nếu đa thức tìm được mà có các hạng tử đồng dạng thì ta phải thu gọn các số hạng đồng dạng.</p> <p>-Lắng nghe và ghi bài.</p>	<p>Bài tập 10 trang 8 SGK.</p> $a) (x^2 - 2x + 3) \left(\frac{1}{2}x - 5 \right)$ $= \frac{1}{2}x(x^2 - 2x + 3) - 5(x^2 - 2x + 3)$ $= \frac{1}{2}x^3 - 6x^2 + \frac{23}{2}x - 15$ <p>b) $(x^2 - 2xy + y^2)(x - y)$</p> $= x(x^2 - 2xy + y^2) - y(x^2 - 2xy + y^2)$ $= x^3 - 3x^2y + 3xy^2 - y^3$
<p>Hoạt động 2: Bài tập 11 trang 8 SGK. (5 phút).</p> <p>-Treo bảng phụ nội dung.</p> <p>-Hướng dẫn cho học sinh thực hiện các tích trong biểu thức, rồi rút gọn.</p> <p>-Khi thực hiện nhân hai đơn thức ta cần chú ý gì?</p> <p>-Kết quả cuối cùng sau khi thu gọn là một hằng số, điều đó cho thấy giá trị của biểu thức không phụ thuộc vào giá trị của biến.</p> <p>-Sửa hoàn chỉnh lời giải bài toán.</p>	<p>-Đọc yêu cầu đề bài.</p> <p>-Thực hiện các tích trong biểu thức, rồi rút gọn và có kết quả là một hằng số.</p> <p>-Khi thực hiện nhân hai đơn thức ta cần chú ý đến dấu của chúng.</p> <p>-Lắng nghe và ghi bài.</p>	<p>Bài tập 11 trang 8 SGK.</p> $(x-5)(2x+3) - 2x(x-3) + x + 7$ $= 2x^2 + 3x - 10x - 15 - 2x^2 + 6x + x + 7$ $= -8$ <p>Vậy giá trị của biểu thức $(x-5)(2x+3) - 2x(x-3) + x + 7$ không phụ thuộc vào giá trị của biến.</p>
<p>Hoạt động 3: Bài tập 13 trang 9 SGK. (9 phút).</p> <p>-Treo bảng phụ nội dung.</p> <p>-Với bài toán này, trước tiên ta phải làm gì?</p>	<p>-Lắng nghe và ghi bài.</p> <p>-Đọc yêu cầu đề bài.</p>	<p>Bài tập 13 trang 9 SGK.</p> $(12x-5)(4x-1) + (3x-7)(1-16x) = 81$ $48x^2 - 12x - 20x + 5 + 3x - 48x^2 -$

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	Ghi bảng
<p>-Nhận xét định hướng giải của học sinh và sau đó gọi lên bảng thực hiện.</p> <p>-Sửa hoàn chỉnh lời giải bài toán.</p> <p>Hoạt động 4: Bài tập 14 trang 9 SGK. (9 phút).</p> <p>-Treo bảng phụ nội dung.</p> <p>-Ba số tự nhiên chẵn liên tiếp có dạng như thế nào?</p> <p>-Tích của hai số cuối lớn hơn tích của hai số đầu là 192, vậy quan hệ giữa hai tích này là phép toán gì?</p> <p>-Vậy để tìm ba số tự nhiên theo yêu cầu bài toán ta chỉ tìm a trong biểu thức trên, sau đó dễ dàng suy ra ba số cần tìm.</p> <p>-Vậy làm thế nào để tìm được a?</p> <p>-Hãy hoàn thành bài toán bằng hoạt động nhóm.</p> <p>-Sửa hoàn chỉnh lời giải các nhóm.</p>	<p>-Với bài toán này, trước tiên ta phải thực hiện phép nhân các đa thức, rồi sau đó thu gọn và suy ra x.</p> <p>-Thực hiện lời giải theo định hướng.</p> <p>-Lắng nghe và ghi bài.</p> <p>-Đọc yêu cầu đề bài.</p> <p>-Ba số tự nhiên chẵn liên tiếp có dạng $2a, 2a+2, 2a+4$ với $a \in \mathbb{N}$</p> <p>-Tích của hai số cuối lớn hơn tích của hai số đầu là 192, vậy quan hệ giữa hai tích này là phép toán trừ</p> $(2a+2)(2a+4)-2a(2a+2)=192$ <p>-Thực hiện phép nhân các đa thức trong biểu thức, sau đó thu gọn sẽ tìm được a.</p> <p>-Hoạt động nhóm và trình bày lời giải.</p>	<p>7+</p> $+112x=81$ $83x=81+1$ $83x=83$ <p>Suy ra $x = 1$</p> <p>Vậy $x = 1$</p> <p>Bài tập 14 trang 9 SGK.</p> <p>Gọi ba số tự nhiên chẵn liên tiếp là $2a, 2a+2, 2a+4$ với $a \in \mathbb{N}$.</p> <p>Ta có:</p> $(2a+2)(2a+4)-2a(2a+2)=192$ $a+1=24$ <p>Suy ra $a = 23$</p> <p>Vậy ba số tự nhiên chẵn liên tiếp cần tìm là 46, 48 và 50.</p>
<p style="text-align: center;">HOẠT ĐỘNG 4: Hoạt động vận dụng (8')</p> <p>Mục tiêu: HS vận dụng được các kiến thức vào giải bài toán cơ bản</p> <p>Phương pháp dạy học: Gọi mở vấn đáp, thuyết minh, đàm thoại, hoạt động nhóm...</p> <p>Định hướng phát triển năng lực: Năng lực tư duy logic, năng lực nhận thức, năng lực khái quát hóa, năng lực sử dụng ngôn ngữ,...</p>		
<p>Hãy nhắc lại tính chất về liên hệ giữa thứ tự và phép cộng, tính chất về liên hệ giữa thứ tự và phép nhân.</p>	<p>* Làm bài tập phần vận dụng</p>	
<p style="text-align: center;">HOẠT ĐỘNG 5: Hoạt động tìm tòi và mở rộng (2')</p> <p>Mục tiêu: Tìm tòi và mở rộng kiến thức, khái quát lại toàn bộ nội dung kiến thức đã học</p>		
<p>Vẽ sơ đồ tư duy khái quát nội</p>	<p>Làm bài tập</p>	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	Ghi bảng
dung bài học Suru tâm và làm một số bài tập nâng cao	phân mở rộng	

4. Hướng dẫn học ở nhà, dặn dò: (2 phút)

- Xem lại các bài tập đã giải (nội dung, phương pháp).
- Thực hiện các bài tập còn lại trong SGK theo dạng đã được giải trong tiết học.
- Xem trước nội dung bài 3: “Những hằng đẳng thức đáng nhớ” (cần phân biệt các hằng đẳng thức trong bài).